

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **625/2020/KDTM-PT**
Ngày: 01/7/2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Như Mai

Các Thẩm phán: Ông Lê Thọ Viên

Bà Lưu Thị Đoan Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Kim Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 tháng 6 năm 2020 và 01 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2020/TLPT-KDTM ngày 30 tháng 3 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2020/KDTM-ST ngày 14 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận 12 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1938/2020/QĐPT-KDTM ngày 27/4/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4307/2020/QĐ-HPT ngày 27/5/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A

Địa chỉ: 18 T, Khu đô thị mới MĐ, TL, TP. Hà Nội

Địa chỉ liên lạc: 1200 Q, Phường 8, quận T, TPHCM

Người đại diện hợp pháp: Ông N - Phó giám đốc (Giấy ủy quyền số 01/UQ-NHNhTB-KHDN) – có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư L và Luật sư M – có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH K

Địa chỉ: 219 Tô 23, Khu phố 6, phường T, Quận Z, TPHCM

Người đại diện hợp pháp: Bà D, sinh năm: 1995, địa chỉ liên lạc: 199 TS, Phường 15, quận T, TPHCM (Giấy ủy quyền ngày 25/5/2020) – có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Q, sinh năm 1962, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai, địa chỉ: Chi nhánh Công ty Luật hợp danh QV, số 199 TS, Phường 15, quận T, TPHCM – *có mặt*.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Đ, sinh năm 1980 (*vắng mặt*)
- Ông N, sinh năm 1980 (*vắng mặt*)
- Trẻ L, sinh năm 2006
- Trẻ N, sinh năm 2009
- Trẻ K, sinh năm 2011

Cùng trú tại: 83K TKX, Phường 7, quận P, TPHCM

Đại diện theo pháp luật của 03 trẻ - trẻ L, trẻ N và trẻ K: Ông N, sinh năm 1980, trú tại: 83K TKX, Phường 7, quận P, TPHCM – *vắng mặt*.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Đ và ông N: Luật sư Q, sinh năm 1962, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai, địa chỉ: Chi nhánh Công ty Luật hợp danh QV, số 199 TS, Phường 15, quận T, TPHCM - *có mặt*.

- Bà T, sinh năm 1985 (*vắng mặt*)

Trú tại: 219, Tổ 23, Khu phố 6, phường T, Quận Z, TPHCM

- Công ty TNHH Chế biến gỗ TH

Địa chỉ: Ấp TB, xã TP, thành phố H, tỉnh Đồng Nai

Người đại diện hợp pháp: Ông H, sinh năm 1971, địa chỉ: 468/1B NK, Phường 3, quận P, TPHCM (Giấy ủy quyền ngày 02/11/2018) và ông V, sinh năm 1976, địa chỉ: 840/3/1 HL 2, phường BA, quận B, TPHCM (Giấy ủy quyền ngày 02/11/2018) - *có mặt*.

4. Người kháng cáo: Công ty TNHH K (bị đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng A – Chi nhánh T (sau đây gọi tắt là ngân hàng) và Công ty TNHH K (sau đây gọi tắt là công ty) có thỏa thuận vay vốn và đã xác lập Hợp đồng tín dụng hạn mức số 6360-LAV-201601301 ngày 07/10/2016, phụ lục hợp đồng tín dụng hạn mức số 6360-LAV-201601301/PLHĐ ngày 24/11/2016, cụ thể: Hạn mức cho vay 83.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay 8,5%/năm cho đến khi có thông báo mới, trả lãi hàng tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Ngân hàng đã tiến hành giải ngân vốn vay theo giá trị tài sản bảo đảm tương ứng. Quá trình thực hiện hợp đồng như sau:

- Ngày 11/7/2017 giải ngân 37.833.000.000 đồng, thời hạn vay từ 11/7/2017 đến 11/01/2018. Công ty đã trả lãi trong hạn 777.152.876 đồng, hiện còn nợ gốc 37.833.000.000 đồng, lãi trong hạn tạm tính đến ngày 14/01/2020 là 7.423.149.874 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày 14/01/2020 là 3.273.868.146 đồng.

- Ngày 12/7/2017 giải ngân 37.509.000.000 đồng, thời hạn vay từ 12/7/2017 đến 12/01/2018. Công ty đã trả lãi trong hạn 761.641.084 đồng, hiện còn nợ gốc 37.509.000.000 đồng, lãi trong hạn tạm tính đến ngày 14/01/2020 là 7.359.578.374 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày 14/01/2020 là 3.241.402.750 đồng.

- Ngày 13/7/2017 giải ngân 5.233.000.000 đồng, thời hạn vay từ 13/7/2017 đến 13/01/2018. Công ty đã trả lãi trong hạn 105.023.402 đồng, hiện còn nợ gốc 5.233.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn tạm tính đến ngày 14/01/2020 là 1.026.758.209 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày 14/01/2020 là 451.600.632 đồng.

Đề bảo đảm cho khoản vay nói trên, Công ty TNHH K đã thế chấp các tài sản như sau:

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc tại thửa 138, bản đồ số 43, xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do UBND tỉnh Đồng Nai cấp cho Công ty TNHH Chế biến gỗ TH, số vào sổ cấp GCN: CT 12241 ngày 19/12/2011, cập nhật chuyển nhượng cho công ty TNHH K ngày 19/10/2015, hợp đồng thế chấp tài sản số 6360-LCL-201601307 ngày 07/10/2016 số công chứng 12249 quyền số 07-TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Hồ Nai, tỉnh Đồng Nai chứng nhận cùng ngày. Tài sản đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ngày 07/10/2016.

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc tại địa chỉ 83K Trần kế Xương, Phường 7, quận Phú Nhuận, TPHCM (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do UBND quận Phú Nhuận cấp cho ông Nguyễn Minh Nhật, bà Lê Thị Cẩm Vân, số vào sổ cấp GCN: CH01102 ngày 30/5/2014, cập nhật chuyển nhượng cho ông N ngày 28/10/2016, hợp đồng thế chấp tài sản số 6360-LCL-201601472 ngày 10/11/2016 số công chứng 002841 quyền số 08/TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Phạm Thùy Nhiên Hương, TPHCM chứng nhận cùng ngày. Tài sản đã được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận Phú Nhuận ngày 11/11/2016).

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tọa lạc tại địa chỉ 219, Khu phố 1, phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, TPHCM (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do UBND Quận 12 cấp cho ông N và bà Đ, số vào sổ cấp GCN: CH01655 ngày 20/12/2012, hợp đồng thế chấp tài sản số 6360-LCL-201601558 ngày 24/11/2016 số công chứng 005408 quyền số 03/TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Ninh Thị Hiền chứng nhận cùng ngày. Tài sản đã được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Quận 12 ngày 25/11/2016).

+ Quyền sử dụng đất hai thửa 620 và 601, tờ bản đồ số 9, xã Phú Mỹ Hưng, huyện Củ Chi, TPHCM (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do UBND huyện Củ Chi cấp cho ông N số vào sổ cấp GCN: CS02121 ngày 23/6/2016 và số vào sổ cấp GCN: CS02122 ngày

23/6/2016, hợp đồng thế chấp tài sản số 6360-LCL-201601559 ngày 24/11/2016 số công chứng 005409 quyền số 03/TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Ninh Thị Hiền chứng nhận cùng ngày. Tài sản đã được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Củ Chi ngày 25/11/2016).

Do công ty vi phạm hợp đồng, nên ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở bằng điện thoại, thông báo bằng văn bản, làm việc trực tiếp, hỗ trợ bằng cách giảm lãi theo đề nghị của công ty, để công ty có điều kiện trả nợ, nhưng công ty vẫn cố tình chây ỳ, không chịu thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng yêu cầu Công ty TNHH K phải thanh toán toàn bộ khoản nợ vay đang quá hạn và lãi phát sinh đến khi trả hết nợ tại Ngân hàng A, cụ thể:

+ Nợ gốc: 80.575.000.000 đồng.

+ Nợ lãi trong và nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày 14/01/2020 là 22.776.357.985 đồng.

+ Tổng cộng: 103.351.357.985 đồng.

Nếu Công ty TNHH K không thanh toán được theo yêu cầu trên thì đề nghị xử lý các tài sản đã thế chấp nêu trên để thu hồi nợ.

* Công ty TNHH K không đến Tòa án, cũng không gửi văn bản trả lời về nội dung đơn kiện mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, triệu tập và thông báo tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải để giải quyết vụ án.

* Đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH Chế biến gỗ TH trình bày:

Ngày 14/10/2015, Công ty TNHH Chế biến gỗ Thái Hà và Công ty TNHH K có ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa 138, bản đồ số 43, xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do UBND tỉnh Đồng Nai cấp cho Công ty TNHH Chế biến gỗ TH, số vào sổ cấp GCN: CT 12241 ngày 19/12/2011). Hợp đồng chuyển nhượng có số công chứng 10320, quyền số 06-TP/CC-SCC/HĐGD lập tại Văn phòng Công chứng Hồ Nai, tỉnh Đồng Nai. Công ty TNHH K đã nhận tài sản và cập nhật biên động trên giấy chứng nhận vào ngày 19/10/2015, tuy nhiên Công ty TNHH K không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán. Do vậy ngày 04/11/2015, Công ty TNHH K và Công ty TH đã ký biên bản, theo đó Công ty K xác nhận còn nợ Công ty TH số tiền 6.404.000.000 đồng, cam kết thanh toán trước ngày 04/02/2016, nếu vi phạm thời hạn thanh toán phải bồi thường khoản tiền 1%/tháng. Tuy nhiên, Công ty K không thực hiện đúng thỏa thuận lập ngày 04/11/2015.

Nay Công ty TH yêu cầu Công ty K thanh toán số tiền khi thực hiện hợp đồng mua bán còn thiếu là 6.404.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính theo mức lãi suất 1%/tháng, tính từ ngày 04/02/2016 đến ngày 30/12/2019, là 2.113.320.000 đồng. Công ty TH rút yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số công chứng 10320, quyền số 06-TP/CC-

SCC/HĐGD lập tại Văn phòng Công chứng Hồ Nai, tỉnh Đồng Nai, không tranh chấp quyền sở hữu liên quan đến tài sản đã mua bán giữa Công ty gỗ TH và Công ty K.

* Đại diện theo ủy quyền của ông N trình bày:

Ông N không phải là người đại diện theo pháp luật của Công ty K nhưng là người chịu trách nhiệm về các khoản vay của Công ty K với ngân hàng. Ông N thừa nhận Công ty K có vay tiền của ngân hàng, quá trình thực hiện hợp đồng đúng như ngân hàng trình bày. Toàn bộ tài sản thế chấp gồm nhà và đất tại 83K Trần Kế Xương, Phường 7, quận Phú Nhuận; nhà đất tại số 219, Khu phố 1, phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, TPHCM; đất tại xã Phú Mỹ Hưng, huyện Củ Chi, đất và nhà xưởng tại xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đều do ông N đang là người quản lý, sử dụng. Hiện tại, ông N đã yêu cầu ngân hàng giảm lãi để có cơ sở để tắt thanh toán nợ cho ngân hàng.

Về yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH Chế biến gỗ TH: Ông N là người thỏa thuận mua bán nhà xưởng với Công ty TH. Ngày 04/11/2015 Công ty K ký xác nhận có nợ Công ty TH tiền mua bán nhà xưởng là 6.404.000.000 đồng. Tại thời điểm mua bán thì Công ty TNHH MTV Ngôi Nhà THVN đang thuê nhà xưởng này. Theo thỏa thuận giữa Công ty K và Công ty TH thì Công ty Ngôi Nhà THVN có nợ công ty TH số tiền 3.168.000.000 đồng nên Công ty K được thừa hưởng số tiền này, tuy nhiên sau đó Công ty TH thanh lý hợp đồng cho thuê nhà xưởng với Công ty TNHH MTV Ngôi Nhà THVN, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty K. Do vậy Công ty K không đồng ý trả tiền lãi và cản trừ số tiền 3.168.000.000 đồng vào nghĩa vụ trả nợ. Đề nghị Tòa án tách tranh chấp giữa Công ty K và Công ty TH ra khỏi tranh chấp với ngân hàng, mời Công ty Ngôi Nhà THVN tham gia vụ án để làm rõ chứng cứ của các bên.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2020/KDTM-ST ngày 14/01/2020 của Tòa án nhân dân Quận 12 quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Buộc Công ty TNHH K phải hoàn trả cho Ngân hàng A nợ gốc 80.575.000.000 (tám mươi tỷ năm trăm bảy mươi lăm triệu) đồng, nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn tính đến ngày 14/01/2020 là 22.776.357.985 (hai mươi hai tỷ bảy trăm bảy mươi sáu triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn chín trăm tám mươi lăm) đồng, tổng cộng 103.351.357.985 (một trăm lẻ ba tỷ ba trăm năm mươi một triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn chín trăm tám mươi lăm) đồng.

1.2. Kể từ ngày 14/01/2020, nếu bị đơn chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bị đơn còn phải trả thêm cho nguyên đơn tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số 6360-LAV-201601301 ngày 07/10/2016, phụ lục hợp đồng tín dụng hạn mức số 6360-LAV-201601301/PLHĐ ngày 24/11/2016 được ký kết giữa Ngân hàng A - Chi nhánh T và Công ty TNHH K.

1.3. Nếu Công ty TNHH K không thực hiện đúng nghĩa vụ nói trên thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp gồm nhà và đất tại số 83K Trần Kế Xương, Phường 7, quận Phú Nhuận; nhà đất tại số 219, Khu phố 1, phường Trung Mỹ Tây, quận 12, TPHCM; đất tại xã Phú Mỹ Hưng, huyện Củ Chi, đất và nhà xưởng tại phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; đã được ghi nhận trong các hợp đồng thế chấp số 6360-LCL-201601307 ngày 07/10/2016 số công chứng 12249 quyền số 07-TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Hồ Nai tỉnh Đồng Nai chứng nhận, số 6360-LCL-201601472 ngày 10/11/2016 số công chứng 002841 quyền số 08/TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Phạm Thùy Nhiên Hương, TPHCM chứng nhận, số 6360-LCL-201601558 ngày 24/11/2016 số công chứng 005408 quyền số 03/TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Ninh Thị Hiền, TPHCM chứng nhận, và số 6360-LCL-201601559 ngày 24/11/2016 số công chứng 005409 quyền số 03/TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Ninh Thị Hiền, TPHCM chứng nhận, để thi hành án.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Công ty TNHH Chế biến gỗ TH.

2.1. Buộc Công ty TNHH K phải hoàn cho Công ty TNHH Chế biến gỗ TH số tiền còn thiếu 6.404.000.000 (sáu tỷ bốn trăm lẻ bốn triệu) đồng và tiền lãi 2.999.210.936 (hai tỷ chín trăm chín mươi chín triệu hai trăm mười nghìn chín trăm ba mươi sáu) đồng, tổng cộng 9.403.210.936 (chín tỷ bốn trăm lẻ ba triệu hai trăm mười nghìn chín trăm ba mươi sáu) đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

2.2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của Công ty TNHH Chế biến gỗ TH về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số công chứng 10320, quyền số 06-TP/CC-SCC/HĐGD lập tại Văn phòng Công chứng Hồ Nai, tỉnh Đồng Nai.

2.3. Kể từ ngày Công ty TNHH Chế biến gỗ TH có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH K chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng Công ty TNHH K còn phải trả thêm cho Công ty TNHH Chế biến gỗ TH mức lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17/02/2020, bị đơn là Công ty TNHH K kháng cáo toàn bộ Bản án số 03/2020/KDTM-ST ngày 14/01/2020 với các lý do: Trong quá trình giải quyết sơ thẩm, bị đơn không nhận được giấy triệu tập của Tòa án. Việc tính lãi của nguyên đơn là không đúng với quy định của Ngân hàng Nhà nước và thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng. Đề nghị Tòa án tách yêu cầu độc lập của Công ty TNHH Chế biến gỗ TH thành một vụ án khác để giải quyết và đề nghị đưa Công ty TNHH MTV Ngôi nhà THVN vào tham gia vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH K. Tòa án nhân dân Quận 12 tuyên chấp nhận yêu cầu độc lập của Công ty TNHH TH buộc Công ty TNHH K phải trả cho Công ty TNHH

TH số tiền 6.404.000.000 đồng và số tiền lãi 2.999.210.936 đồng là không đúng do không căn trừ số tiền của Công ty TNHH MTV Ngôi Nhà THVN. Yêu cầu hủy án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo là Công ty TNHH K trình bày: Công ty TNHH K rút một phần yêu cầu kháng cáo.

Cụ thể rút những phần kháng cáo sau: Kháng cáo về thủ tục tố tụng, ý kiến về việc bị đơn không nhận được giấy triệu tập của Tòa án, việc tính lãi của nguyên đơn là không đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước và thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng.

Công ty K giữ nguyên phần kháng cáo đối với việc cấp sơ thẩm nhập vụ án là không đúng, trong trường hợp nhập vụ án nhưng lại không đưa Công ty TNHH MTV Ngôi nhà THVN vào tham gia tố tụng nên không xem xét được việc căn trừ nghĩa vụ thanh toán của Công ty K làm thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty K. Do đó, yêu cầu hủy một phần bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm thanh toán của Công ty K đối với Công ty TNHH TH.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH K, đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông N và bà Đ trình bày các căn cứ để yêu cầu hủy một phần bản án sơ thẩm như sau:

- Về việc nhập vụ án: Công ty TNHH TH yêu cầu tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với Công ty TNHH K không liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng A tranh chấp hợp đồng tín dụng. Việc nhập vụ án nhằm giúp quá trình tố tụng nhanh chóng, thuận tiện nhưng từ khi nhập vụ án đến khi vụ án được đưa ra xét xử với thời gian rất lâu là không đáp ứng mục đích và ý nghĩa của việc nhập vụ án. Ý kiến của Công ty TNHH K nhiều lần đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm tách vụ án nhưng không được chấp nhận.

- Về việc đưa Công ty TNHH MTV Ngôi nhà THVN vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để xác định nghĩa vụ thanh toán còn lại của Công ty TNHH K với Công ty TNHH TH: Ý kiến này của Công ty TNHH K đã không được cấp sơ thẩm xem xét. Trong khi đó, thực tế, căn cứ các tài liệu chứng cứ bao gồm: (1) Thư thông báo về việc trễ hạn thanh toán hợp đồng ngày 27/11/2015, (2) Biên bản ghi nhận ngày 01/12/2017 và (3) Thông báo số 01 ngày 24/10/2015, những chứng cứ này chứng minh có sự thỏa thuận về việc chuyển giao nghĩa vụ thanh toán từ Công ty TH cho Công ty TH sang Công ty K là bên thụ hưởng.

Mặt khác, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tư cách đại diện ủy quyền của ông Quynh đại diện Công ty TNHH TH và bà P đại diện ủy quyền của Công ty K.

Đề nghị triệu tập ông T là đại diện ủy quyền của Công ty K trực tiếp liên hệ với Công ty THVN và Công ty TH giải quyết việc thanh toán tiền thuê nhà xưởng với tư cách người làm chứng trong vụ án này.

Đại diện Ngân hàng A trình bày ý kiến: Ngân hàng đồng ý với việc rút kháng cáo của Công ty K. Ngân hàng không có ý kiến về các yêu cầu còn lại của Công ty K do không liên quan đến Ngân hàng. Việc nhập hay tách vụ án là thẩm quyền của Tòa án nên Ngân hàng cũng không có ý kiến.

Đại diện Công ty TNHH TH trình bày ý kiến: Công ty TH nhận thấy Công ty TNHH MTV Ngôi nhà THVN không liên quan gì đến hợp đồng chuyển nhượng giữa Công ty TH và Công ty K. Trong suốt quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, Công ty K đều không đến Tòa án, không trình bày ý kiến và chỉ muốn kéo dài thời gian thanh toán. Nếu Công ty K cho rằng Công ty THVN có trách nhiệm thanh toán cho Công ty K thì Công ty K có quyền kiện Công ty THVN bằng một vụ kiện riêng. Tại đơn khởi kiện ban đầu, Công ty TH yêu cầu Công ty K nếu không thanh toán nghĩa vụ còn lại của hợp đồng chuyển nhượng thì hủy hợp đồng chuyển nhượng. Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng, nhận thấy việc hủy hợp đồng ảnh hưởng rất nhiều đến quyền lợi của tất cả các bên liên quan nên Công ty TH chỉ yêu cầu Công ty K thanh toán số tiền còn thiếu và tiền phạt chậm thanh toán đúng theo thỏa thuận của các bên tại Biên bản ngày 04/11/2015. Công ty TH nhận thấy bản án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng quy định nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của Công ty K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong hạn luật định nên hợp lệ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Công ty K, nhưng căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa bản án sơ thẩm về phần tuyên nghĩa vụ chậm thi hành án theo đúng quy định tại Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 và Điều 306 Luật Thương mại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức và thời hạn kháng cáo: Ngày 14/01/2020, Tòa án nhân dân Quận 12 đưa vụ án ra xét xử và ban hành Bản án số 03/2020/KDTM-ST, Công ty TNHH K vắng mặt tại phiên tòa. Ngày 05/02/2020, Tòa án nhân dân Quận 12 đã tổng đạt bản án cho Công ty K. Ngày 17/02/2020, Công ty K có đơn kháng

cáo. Căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 thì kháng cáo của Công ty Đại Tuấn Khôi còn trong hạn luật định nên chấp nhận.

[2] Về tố tụng:

Nguyên đơn là Ngân hàng A tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn là Công ty TNHH K có trụ sở tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35; điểm b Khoản 3 Điều 38; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 thì Tòa án nhân dân Quận 12 có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm và Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Bà Đ, ông N, trẻ L, trẻ N, và trẻ K có ông N đại diện theo pháp luật, bà T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử vắng mặt những người trên.

[3] Về nội dung:

Xét việc rút một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn là Công ty TNHH K: Tại phiên tòa, Công ty TNHH K xác định rút một phần kháng cáo đối với Ngân hàng A. Không kháng cáo về việc tính lãi suất của ngân hàng. Đồng thời Công ty K cũng xác định rút yêu cầu kháng cáo về thủ tục tố tụng của cấp sơ thẩm. Các đương sự còn lại không có ý kiến phản đối việc rút một phần kháng cáo này của Công ty K. Xét thấy việc rút một phần kháng cáo của Công ty K là hoàn toàn tự nguyện và không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét yêu cầu triệu tập người làm chứng là ông T của Công ty K: Căn cứ lời trình bày và tài liệu mà Công ty K cung cấp thì ông T thực hiện các công việc giao dịch với Công ty THVN cũng như Công ty TH với tư cách đại diện ủy quyền của Công ty K. Vì vậy, ông T biết về những sự việc diễn ra của giao dịch. Tuy nhiên, lời trình bày của ông T sẽ không khách quan nên không thể là người làm chứng của giao dịch giữa Công ty K và Công ty TH, hay Công ty THVN. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu triệu tập người làm chứng của Công ty K.

Xét yêu cầu kháng cáo còn lại của Công ty K:

Kháng cáo về việc cấp sơ thẩm nhập vụ án không đúng quy định pháp luật, Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu này như sau: Ngày 11/6/2018, Ngân hàng A khởi kiện Công ty TNHH K tranh chấp Hợp đồng tín dụng số 6360-LAV-201601301 ngày 07/10/2016. Ngày 21/02/2019, Tòa án nhân dân Quận 12 cũng thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo đơn khởi kiện của Công ty TNHH Chế biến gỗ TH đối với bị đơn là Công ty TNHH K. Cả 2 vụ án này đều liên quan đến phần đất và nhà xưởng có Giấy chứng nhận số CT12241 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày

19/12/2011. Phần nhà đất này là tài sản thế chấp của Hợp đồng tín dụng số 6360 và là đối tượng của hợp đồng chuyển nhượng giữa Công ty K và Công ty TH. Do đó, Tòa án nhân dân Quận 12 đã ban hành Quyết định nhập vụ án số 02/2019/QĐ-NVA ngày 08/5/2019 là đúng quy định tại Điều 42 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Kháng cáo về việc cấp sơ thẩm đã không triệu tập Công ty TNHH MTV Ngôi nhà THVN và không xem xét cản trừ nghĩa vụ thanh toán của Công ty THVN đối với khoản tiền Công ty K còn phải thanh toán cho Công ty TH, Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu này như sau:

Phía bị đơn là Công ty K xác nhận số tiền còn phải thanh toán trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký ngày 14/10/2015, số công chứng 10320-TP/CC-SCC/HĐGD là 6.404.000.000 (sáu tỷ bốn trăm lẻ bốn triệu) đồng. Công ty K cũng xác nhận tại Biên bản ngày 04/11/2015, Công ty K và Công ty TH đã thỏa thuận Công ty K sẽ thanh toán số tiền này chậm nhất vào ngày 04/02/2016, nếu vi phạm phải chịu lãi suất 1%/tháng trên số tiền chậm thanh toán. Tuy nhiên, Công ty K cho rằng căn cứ các tài liệu gồm: (1) Thư thông báo về việc trễ hạn thanh toán hợp đồng ngày 27/11/2015, (2) Biên bản ghi nhận ngày 01/12/2017 và (3) Thông báo số 01 ngày 24/10/2015 đã xác định Công ty TH đồng ý chuyển giao toàn bộ quyền thụ hưởng đối với số tiền Công ty THVN còn nợ của hợp đồng cho thuê giữa Công ty THVN và Công ty TH. Số tiền Công ty THVN còn phải thanh toán cho hợp đồng thuê với Công ty TH là 2.880.000.000 đồng và phạt vi phạm là 1.450.000.000 đồng, tổng cộng là 4.330.000.000 đồng. Công ty K cho rằng phải cản trừ số tiền này vào số tiền Công ty K còn phải thanh toán cho Công ty TH và không tính tiền lãi chậm thanh toán do không phải lỗi của Công ty K. Hội đồng xét xử xét thấy các tài liệu mà Công ty K viện dẫn nêu trên (mặc dù chưa có bản chính để đối chiếu) chỉ thể hiện nội dung chuyển giao quyền thụ hưởng số tiền Công ty THVN phải thanh toán cho Công ty TH. Tuy nhiên, quan hệ chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Công ty K và Công ty TH là quan hệ độc lập với thỏa thuận việc chuyển giao quyền thụ hưởng của các tài liệu viện dẫn này. Xem xét cả 3 tài liệu mà Công ty K xuất trình nêu trên, không có nội dung nào thể hiện Công ty TH đồng ý cản trừ số tiền Công ty THVN còn nợ vào số tiền chuyển nhượng mà Công ty K còn phải thanh toán cho Công ty TH. Tại phiên tòa, đại diện Công ty K cũng xác nhận không có bất kỳ thỏa thuận nào giữa các bên về việc cản trừ số tiền nợ của Công ty THVN đối với Công ty TH vào số tiền chuyển nhượng của hợp đồng giữa Công ty TH và Công ty K. Trong suốt quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, Công ty K cũng không có đơn phản tố hay yêu cầu độc lập nào về việc cản trừ nghĩa vụ này. Vì vậy, nghĩa vụ thanh toán của Công ty THVN đối với Công ty K không liên quan đến vụ án mà Tòa án đang giải quyết. Yêu cầu triệu tập Công ty THVN vào tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của Công ty K là không có cơ sở để chấp nhận. Những phân tích ở trên cho thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu cản trừ nghĩa vụ thanh toán của Công ty K đối với Công ty TH. Vì vậy, ý kiến của Công ty K cho rằng không có lỗi trong việc chậm thanh toán và không đồng ý thanh

toán số tiền phạt chậm thanh toán tính đến ngày 30/12/2019 là 2.999.210.936 đồng là không có căn cứ. Tranh chấp của Công ty K đối với Công ty TH về giao dịch chuyển giao quyền yêu cầu thu hồi nợ hay tranh chấp giữa Công ty K đối với Công ty THVN về việc buộc thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê là quan hệ độc lập với tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đang giải quyết. Công ty K có quyền khởi kiện thành một vụ án khác.

Tuy nhiên, tại phần quyết định của bản án sơ thẩm, cấp sơ thẩm chỉ tuyên nghĩa vụ thanh toán của bị đơn đối với hợp đồng tín dụng, quyền yêu cầu phát mại tài sản của nguyên đơn đối với bị đơn trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán là không đầy đủ. Trong trường hợp bị đơn thanh toán đầy đủ số nợ mà không phải thực hiện việc phát mại tài sản thế chấp, nguyên đơn có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho bên thế chấp là Công ty TNHH K, ông N và bà Đ. Trường hợp bị đơn thanh toán không đầy đủ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu phát mại tài sản. Trường hợp giá trị phát mại lớn hơn nghĩa vụ thanh toán của bị đơn thì hoàn lại giá trị phát mại chênh lệch lớn hơn cho chủ tài sản. Trường hợp giá trị phát mại nhỏ hơn nghĩa vụ thanh toán của bị đơn thì bị đơn phải tiếp tục thanh toán phần nghĩa vụ còn lại.

Mặt khác, tại phần quyết định của bản án tuyên nghĩa vụ chậm thanh toán của bị đơn đối với Công ty TH, cấp sơ thẩm tuyên nghĩa vụ thanh toán chậm thì hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 là không đúng. Quy định tại Điều 306 Luật Thương mại và Nghị Quyết 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì thời điểm tính lãi chậm thanh toán là kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm và lãi suất theo thỏa thuận của các bên tại Biên bản ngày 04/11/2015 là 1%.

Căn cứ quy định tại Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì Tòa án cấp sơ thẩm xác định nghĩa vụ chịu án phí, và mức án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là đúng quy định pháp luật nhưng lại xác định nghĩa vụ chịu tạm ứng án phí phúc thẩm là không đúng. Mức thu tạm ứng án phí phúc thẩm là 2.000.000. Tòa án nhân dân Quận 12 đã buộc Công ty K nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 3.000.000 đồng là sai với quy định nêu trên.

Từ những nhận định ở trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu kháng cáo của bị đơn và ý kiến trình bày của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là không có căn cứ để chấp nhận. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị bác kháng cáo, sửa án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên bị đơn là người kháng cáo không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35; điểm b Khoản 3 Điều 38; điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 273, Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 280, 299, 304, 357, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91 Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn là Công ty TNHH K. Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2020/KDTM-ST ngày 14/01/2020 của Tòa án nhân dân Quận 12.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Buộc Công ty TNHH K phải hoàn trả cho Ngân hàng A nợ gốc 80.575.000.000 (tám mươi tỷ năm trăm bảy mươi lăm triệu) đồng, nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn tính đến ngày 14/01/2020 là 22.776.357.985 (hai mươi hai tỷ bảy trăm bảy mươi sáu triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn chín trăm tám mươi lăm) đồng, tổng cộng 103.351.357.985 (một trăm lẻ ba tỷ ba trăm năm mươi một triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn chín trăm tám mươi lăm) đồng.

1.2. Kể từ ngày 14/01/2020, nếu bị đơn chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bị đơn còn phải trả thêm cho nguyên đơn tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số 6360-LAV-201601301 ngày 07/10/2016, phụ lục Hợp đồng tín dụng hạn mức số 6360-LAV-201601301/PLHĐ ngày 24/11/2016 được ký kết giữa Ngân hàng A - Chi nhánh T và Công ty TNHH K.

1.3. Nếu Công ty TNHH K thanh toán hết số nợ nêu trên mà không phải thực hiện việc phát mại tài sản thì Ngân hàng có trách nhiệm hoàn trả bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT12241 ngày 19/12/2011 cho Công ty TNHH K, bản chính giấy chứng nhận số CH01655 ngày 20/12/2012 cho ông N và bà Đ, bản chính giấy chứng nhận số CH 01102 ngày 30/5/2014 và bản chính giấy chứng nhận số CS02121 và số CS02122 ngày 23/6/2016 cho ông N.

1.4. Nếu Công ty TNHH K không thực hiện đúng nghĩa vụ nói trên thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp gồm nhà và đất tại số 83K Trần Kế Xương, Phường 7, quận Phú Nhuận; nhà đất tại số 219, Khu phố 1, phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, TPHCM; đất tại xã Phú Mỹ Hưng, huyện Củ Chi; đất và nhà xưởng tại phường

Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã được ghi nhận trong các hợp đồng thế chấp số 6360-LCL-201601307 ngày 07/10/2016 số công chứng 12249 quyền số 07-TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Hồ Nai tỉnh Đồng Nai chứng nhận, số 6360-LCL-201601472 ngày 10/11/2016 số công chứng 002841 quyền số 08/TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Phạm Thùy Nhiên Hương TPHCM chứng nhận, số 6360-LCL-201601558 ngày 24/11/2016 số công chứng 005408 quyền số 03/TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Ninh Thị Hiền TPHCM chứng nhận, và số 6360-LCL-201601559 ngày 24/11/2016 số công chứng 005409 quyền số 03/TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Ninh Thị Hiền TPHCM chứng nhận, để thi hành án.

1.5. Trường hợp giá trị tài sản phát mại lớn hơn nghĩa vụ thanh toán của Công ty K đối với ngân hàng thì phần giá trị chênh lệch sẽ được hoàn trả cho chủ sở hữu tài sản thế chấp. Trường hợp giá trị tài sản phát mại nhỏ hơn nghĩa vụ thanh toán của Công ty K đối với ngân hàng thì Công ty K có trách nhiệm thanh toán nốt số tiền còn lại.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Công ty TNHH Chế biến gỗ TH.

2.1. Buộc Công ty TNHH K phải hoàn cho Công ty TNHH Chế biến gỗ TH số tiền còn thiếu 6.404.000.000 (sáu tỷ bốn trăm lẻ bốn triệu) đồng và tiền lãi 2.999.210.936 (hai tỷ chín trăm chín mươi chín triệu hai trăm mười nghìn chín trăm ba mươi sáu) đồng, tổng cộng 9.403.210.936 (chín tỷ bốn trăm lẻ ba triệu hai trăm mười nghìn chín trăm ba mươi sáu) đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

2.2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của Công ty TNHH Chế biến gỗ TH về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số công chứng 10320, quyền số 06-TP/CC-SCC/HĐGD lập tại Văn phòng Công chứng Hồ Nai, tỉnh Đồng Nai.

2.3. Kể từ ngày 15/01/2020 cho đến khi Công ty TNHH K thi hành án xong, Công ty K còn phải thanh toán cho Công ty TNHH Chế biến gỗ TH khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất đã thỏa thuận là 1%/tháng.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

3.1. Công ty TNHH K phải chịu án phí 328.754.569 (ba trăm hai mươi tám triệu bảy trăm năm mươi bốn nghìn năm trăm sáu mươi chín) đồng.

3.2. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí 97.361.288 (chín mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi một nghìn hai trăm tám mươi tám) đồng cho Ngân hàng A (theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0036950 ngày 05/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12).

3.3. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí 70.500.000 (bảy mươi triệu năm trăm nghìn) đồng cho công ty TNHH Chế biến gỗ TH (theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0008555 ngày 21/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12).

4. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH K không phải chịu. Hoàn trả cho Công ty TNHH K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 (ba triệu) đồng theo Biên lai thu số AA/2019/0108477 ngày 17/02/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 12.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 12;
- Chi cục THADS Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Thị Như Mai